

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ TÌNH TIẾT “GIẾT NHIỀU NGƯỜI” VÀ “GIẾT NGƯỜI BẰNG PHƯƠNG PHÁP CÓ KHẢ NĂNG LÀM CHẾT NHIỀU NGƯỜI”

Nguyễn Hùng Cường*

Trong quá trình nghiên cứu và vận dụng các quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS), chúng ta thường gặp vướng mắc khi áp dụng những tình tiết định khung tăng nặng của tội giết người (Điều 93 BLHS 1999), đặc biệt là hai tình tiết “giết nhiều người” và “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người”. Hiện nay, về mặt lý luận cũng như thực tiễn xét xử ở nước ta vấn đề này vẫn chưa được giải quyết một cách thoả đáng. Chính vì vậy, việc giải quyết vấn đề đó sẽ có ý nghĩa quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn, giúp các cơ quan bảo vệ pháp luật xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nâng cao hiệu quả đấu tranh và phòng chống tội phạm đang ngày càng diễn ra phức tạp ở nước ta.

1. Tình tiết “giết nhiều người” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 93 BLHS 1999

Cho đến nay, việc định nghĩa thế nào là “giết nhiều người” vẫn còn nhiều ý kiến trái ngược nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng: Giết nhiều người là trường hợp người phạm tội cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp) *gây ra cái chết cho hai người trở lên*, có thể cùng một lần hoặc nhiều lần khác nhau¹. Ví dụ: A cố ý dùng dao chém chết B và C, hậu quả là cả B và C đều bị chết, A bị áp dụng tình tiết giết nhiều người.

Quan điểm thứ hai cho rằng: Giết nhiều người là trường hợp người phạm tội cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp) *giết từ hai người trở*

lên, có thể một lần hoặc nhiều lần và không cần thiết phải đòi hỏi dấu hiệu hậu quả chết người². Ví dụ: A cố ý dùng dao chém chết B và C, do những nguyên nhân khách quan nên cả hai tuy không chết nhưng bị thương tích nặng, A vẫn phạm tội giết người (chưa đạt) với tình tiết tăng nặng là giết nhiều người.

Như vậy có thể thấy rằng, quan điểm thứ hai có nội hàm rộng hơn quan điểm thứ nhất. Nếu như quan điểm thứ nhất quan niệm tình tiết “giết nhiều người” chỉ được áp dụng khi hậu quả chết người đã xảy ra thì quan điểm thứ hai lại quan niệm tình tiết “giết nhiều người” sẽ được áp dụng ngay cả trong trường hợp hậu quả chết người chưa xảy ra. Nếu hậu quả chết người đã xảy ra thì việc áp dụng tình tiết này như quan điểm thứ nhất (với lỗi cố ý trực tiếp hoặc gián tiếp); còn nếu hậu quả chết người chưa xảy ra (do những nguyên nhân khách quan) thì áp dụng tình tiết “giết nhiều người” (chưa đạt) với lỗi cố ý gián tiếp.

Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây là tình tiết “giết nhiều người” có chứa đựng hậu quả chết người hay không? Theo chúng tôi, tình tiết này không nhất thiết phải đòi hỏi dấu hiệu hậu quả, tức là dấu hiệu hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của tình tiết này. Nếu người phạm tội cố ý (trực tiếp hoặc gián tiếp) giết từ hai người trở lên thì người đó sẽ bị áp dụng ngay tình tiết “giết nhiều người” mà không cần phải có hậu quả chết người xảy ra.

* Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội

¹ TS. Đỗ Đức Hồng Hà, *Về tình tiết “giết nhiều người” và “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người”*, Tạp chí Luật học số 1/2005, trang 33.

² Bộ Tư pháp - Viện Khoa học pháp lý, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999, tập II, Phần các tội phạm cụ thể, quyển I (từ Điều 78 đến Điều 201)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, trang 49.

Trong khoa học pháp lý hình sự thì “giết người” được hiểu là “hành vi cố ý tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác”³. Mặc dù điều luật không quy định thế nào là “giết người” nhưng theo cách thiết kế của điều luật thì chúng ta có thể nhận thấy khoản 2 Điều 93 BLHS1999 là cấu thành cơ bản còn khoản 1 Điều 93 là cấu thành tăng nặng của tội phạm với 16 tình tiết định khung tăng nặng được quy định từ điểm a đến điểm q cùng mức hình phạt quy định là từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

Lý luận khoa học Luật Hình sự đã chỉ rõ, tình tiết “giết nhiều người” là một tình tiết định khung và cũng như những tình tiết định khung khác, nó là tình tiết phản ánh mức độ nguy hiểm của tội phạm tăng lên một cách đáng kể so với trường hợp thông thường. Nhưng thế nào là trường hợp thông thường thì hiện nay vẫn chưa có cách giải thích thoả đáng. Quan điểm thứ nhất ở trên cho rằng trường hợp thông thường là trường hợp một người đã có hành vi thoả mãn đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cơ bản. Như vậy, đối với tội giết người thì trường hợp thông thường ở đây là trường hợp hành vi giết người đã gây ra hậu quả chết (một) người. Vì vậy, chỉ có thể áp dụng tình tiết “giết nhiều người” khi hành vi phạm tội đã thoả mãn đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cơ bản; tức là chỉ được áp dụng trong trường hợp đã có hậu quả chết một người xảy ra bởi vì nếu hậu quả chết người chưa xảy ra thì trường hợp giết nhiều người (chưa đạt) cũng sẽ chỉ nguy hiểm như trường hợp giết người thông thường (một người chết).

Theo chúng tôi, cách hiểu như vậy về trường hợp thông thường là chưa đầy đủ. Như chúng ta đã biết, tội phạm bao gồm nhiều giai đoạn khác nhau: chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và tội phạm hoàn thành. Đối với một hành vi phạm tội khi ở trong mỗi giai đoạn thì sẽ có mức độ nguy

hiểm khác nhau. Tuy nhiên, dường như chúng ta quên mất một điều là các hành vi phạm tội cũng có thể có những mức độ nguy hiểm khác nhau cho dù cùng ở trong một giai đoạn phạm tội nếu những hành vi đó ở trong những điều kiện và hoàn cảnh khác nhau. Và chúng tôi cho rằng, khái niệm trường hợp thông thường ở đây nhấn mạnh tới điều kiện và hoàn cảnh của hành vi phạm tội bên cạnh đề cập đến các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cơ bản. Do vậy, khái niệm trường hợp thông thường cần được hiểu rộng hơn; nó không chỉ được áp dụng ở trường hợp tội phạm hoàn thành mà còn được áp dụng bao gồm cả trường hợp chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt. Như vậy, theo chúng tôi trường hợp thông thường ở đây là trường hợp thông thường của từng giai đoạn thực hiện tội phạm. Và vì vậy, trường hợp thông thường của tội giết người là trường hợp thông thường của các giai đoạn thực hiện tội giết người. Do đó, trường hợp giết người thông thường cần được hiểu như sau:

- Trường hợp giết người thông thường của giai đoạn chuẩn bị phạm tội là trường hợp chuẩn bị giết một người;

- Trường hợp giết người thông thường của giai đoạn phạm tội chưa đạt là trường hợp giết một người nhưng hậu quả chết người chưa xảy ra;

- Trường hợp thông thường của giai đoạn tội phạm hoàn thành là trường hợp giết một người và hậu quả chết người đã xảy ra.

Như vậy, khi ở trong một giai đoạn thực hiện tội phạm nếu hành vi của một người có những tình tiết phản ánh mức độ nguy hiểm cao hơn so với trường hợp thông thường đối với giai đoạn đó thì phải áp dụng các tình tiết tăng nặng định khung đối với họ. Mặt khác, nếu hiểu “thông thường” với nghĩa là bình thường, thường thấy, thường có, không có gì đặc biệt⁴ thì việc hiểu về nội hàm của khái niệm trường hợp thông thường như trên là

³ Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2003, trang 287.

⁴ Bộ Giáo Dục và Đào Tạo - Trung tâm Ngôn ngữ và Văn Hóa Việt Nam, *Đại Từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn Hoá - Thông Tin, trang 170, trang 1587.

không có gì trái với logic bởi vì trong lý luận cũng như thực tiễn xét xử đều cho thấy các trường hợp chuẩn bị phạm tội, tội phạm chưa đạt cũng đều được xét xử ở cùng một khung trong cùng một điều luật như trường hợp tội phạm hoàn thành. Nếu chúng ta chỉ áp dụng tình tiết “giết nhiều người” khi đã có hậu quả chết người xảy ra thì vô hình chung đã đồng nhất việc giết một người chưa đạt cũng giống như việc giết nhiều người chưa đạt và như vậy sẽ dẫn đến một hậu quả hết sức nghiêm trọng là chúng ta đã vi phạm nguyên tắc pháp chế - nguyên tắc cơ bản của Luật Hình sự mà theo đó việc áp dụng các quy định của BLHS phải phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Ngoài ra, chúng tôi cho rằng cách lập luận trong quan điểm thứ nhất: “trong trường hợp chưa gây ra hậu quả chết người thì trường hợp giết nhiều người (chưa đạt) cũng sẽ chỉ nguy hiểm như trường hợp giết người thông thường (một người chết)” là trái với logic. Chúng ta đã biết, khi muốn so sánh hai hay nhiều sự vật nào đó với nhau thì phải đặt các sự vật đó trong một hệ quy chiếu. Ở đây, việc so sánh hành vi giết nhiều người trong giai đoạn phạm tội chưa đạt và giết một người trong giai đoạn tội phạm hoàn thành là một việc cần phải xem xét lại. Bởi lẽ, những hành vi này hoàn toàn nằm trong những hệ quy chiếu (giai đoạn) khác nhau và ở trong những hoàn cảnh khác nhau. Hơn nữa, để đánh giá mức độ nguy hiểm của một hành vi chúng ta không chỉ dựa vào hậu quả của hành vi đó mà còn phải căn cứ vào nhiều dấu hiệu khác nữa: mức độ đe dọa gây ra hậu quả nguy hại cho xã hội, nhân thân người phạm tội, mức độ lỗi, hoàn cảnh kinh tế - chính trị - xã hội nơi xảy ra hành vi phạm tội... Vì vậy, nếu chỉ dựa vào hậu quả chết người để cho rằng hành vi giết một người (đã gây ra hậu quả) nguy hiểm “ngang bằng” hành vi giết nhiều người (chưa gây ra hậu quả) thì điều đó là trái với logic và lý luận của khoa học Luật Hình sự.

Hành vi giết nhiều người chưa đạt, mặc dù chưa gây ra hậu quả chết người nhưng đã xâm hại tới một trong những khách thể quan

trọng nhất được Nhà nước bảo vệ. Đó là quyền sống, quyền được tôn trọng và quyền bất khả xâm phạm về tính mạng. Hơn nữa với chính sách của Đảng và Nhà nước ta đã và đang hướng tới một Nhà nước pháp quyền mà ở đó giá trị con người là cao cả nhất, con người là trung tâm của xã hội; một Nhà nước mà ở đó các quyền tự do, dân chủ và lợi ích chính đáng của con người được pháp luật bảo đảm và bảo vệ toàn vẹn; thì việc xâm phạm tới tính mạng của nhiều con người dù chỉ ở mức độ đe dọa cũng là một hành vi hết sức nguy hiểm. Vì vậy, đối với hành vi này cần phải được tăng nặng trách nhiệm hình sự bằng cách xét xử ở khung tăng nặng mà không phải ở khung cơ bản của tội giết người. Nói cách khác, hành vi này phải bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “giết nhiều người”. Có như vậy mới có tác dụng răn đe, ngăn ngừa tội phạm; tạo cơ sở pháp lý cho việc phòng chống và đấu tranh chống tội phạm có hiệu quả, góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, chúng tôi đồng ý với quan điểm thứ hai.

2. Tình tiết “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người” quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 93 BLHS 1999

Về mặt lý luận, giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người là trường hợp giết người mà người phạm tội đã sử dụng công cụ, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm có khả năng làm chết nhiều người (đặt trong một điều kiện, hoàn cảnh cụ thể). Ví dụ: dùng chất nổ giết nạn nhân khi nạn nhân đang ở chỗ đông người... tình tiết này chỉ đòi hỏi công cụ, phương tiện hay thủ đoạn đã sử dụng đặt trong một hoàn cảnh cụ thể có khả năng làm chết nhiều người mà không đòi hỏi thực sự phải gây ra hậu quả chết người⁵. Tuy nhiên, trong thực tiễn xét

⁵ Bộ Tư pháp - Viện Khoa học pháp lý, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999, tập II, Phần các tội phạm cụ thể, quyển 1 (từ Điều 78 đến*

xử hiện nay, khi giải quyết những trường hợp liên quan đến tình tiết “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người” đã xuất hiện một quan điểm sau: Tình tiết “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người” chỉ có thể được áp dụng trong trường hợp người phạm tội đã có hành vi sử dụng công cụ, phương tiện phạm tội có khả năng làm chết nhiều người và hành vi đó chưa gây ra hậu quả chết người. Bởi vì nếu hậu quả chết nhiều người xảy ra thì khả năng đó đã trở thành hiện thực, nó đã không còn tồn tại nữa. Trường hợp này phải áp dụng tình tiết “giết nhiều người” đối với họ⁶.

Như vậy, một câu hỏi đặt ra ở đây là khi hậu quả chết người xảy ra (từ hai người trở lên) do người phạm tội đã sử dụng công cụ, phương tiện, thủ đoạn có khả năng làm chết nhiều người thì người đó có bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người” hay không? Để có thể trả lời đúng đắn câu hỏi trên, theo chúng tôi cần xuất phát từ cơ sở Triết học Mác - Lênin về cặp phạm trù khả năng và hiện thực. Theo Triết học Mác - Lênin khả năng là cái chưa có, chưa tới nhưng sẽ có, sẽ tới khi có điều kiện nhất định; hiện thực là cái hiện có, hiện đang tồn tại thực sự. Giữa khả năng và hiện thực luôn có mối quan hệ biện chứng với nhau. Hiện thực được chuẩn bị bởi khả năng, còn khả năng sẽ biến thành hiện thực. Tuy nhiên, không phải mọi khả năng đều tất yếu trở thành hiện thực, khả năng chỉ trở thành hiện thực khi xuất hiện những điều kiện và hoàn cảnh nhất định⁷.

Dựa trên cơ sở này, có thể thấy rằng nếu

đem áp dụng mối quan hệ biện chứng của cặp phạm trù khả năng-hiện thực vào trường hợp này thì đây chính là mối quan hệ giữa khả năng làm chết nhiều người của công cụ, phương tiện phạm tội và hậu quả chết nhiều người (sự hiện thực hoá khả năng đó). Vì vậy, nếu coi hành vi phạm tội là một quá trình, từ khả năng làm chết nhiều người cho đến khi hậu quả chết người xảy ra thì theo quan điểm của chúng tôi, phạm vi áp dụng của tình tiết này chỉ dừng lại ở dấu hiệu “khả năng” chứ không phải dừng lại ở dấu hiệu “hậu quả” chết nhiều người. Như vậy, chỉ cần một người có ý thức sử dụng công cụ, phương tiện phạm tội có “khả năng” làm chết nhiều người tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội thì sẽ áp dụng tình tiết “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người” đối với họ. Trường hợp hậu quả chết người xảy ra, khả năng đó đã trở thành hiện thực; tuy nhiên, hậu quả chết nhiều người đã xảy ra không phải là nội dung của tình tiết này.

Hiện nay, trong 16 tình tiết tăng nặng định khung của tội giết người (Điều 93 BLHS 1999) được quy định từ điểm a đến điểm q, thì có tình tiết phản ánh mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội như “có tổ chức”, “thực hiện tội phạm một cách man rợ”; có tình tiết lại phản ánh mức độ nguy hiểm của hậu quả như “giết nhiều người”; có tình tiết lại phản ánh mức độ lỗi như “có tính chất côn đồ”... và theo chúng tôi tình tiết “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người” là tình tiết phản ánh tính chất của hành vi phạm tội, cụ thể là nó phản ánh mức độ nguy hiểm của công cụ, phương tiện, thủ đoạn phạm tội. Việc các nhà làm luật quy định tình tiết này là một tình tiết định khung của tội giết người để dự liệu trường hợp khi một người sử dụng công cụ, phương tiện, thủ đoạn phạm tội mà so với trường hợp thông thường công cụ, phương tiện, thủ đoạn đó có mức độ nguy hiểm tăng lên một cách đáng kể (có khả năng làm chết nhiều người) thì đó phải là một căn cứ để nâng khung hình phạt đối với họ.

Điều 201), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, trang 51.

⁶ Xem: TS. Đỗ Đức Hồng Hà, Về tình tiết “giết nhiều người” và “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người”, Tạp chí Luật học số 1/2005, trang 34.

⁷ Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Triết học Mác - Lênin, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2003, trang 187, 188, 189.

Như vậy, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, khi một người có ý thức sử dụng công cụ, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm và đặt trong một hoàn cảnh, điều kiện cụ thể hành vi đó có khả năng làm chết nhiều người thì chúng ta hoàn toàn có đủ căn cứ để áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với họ. Việc hậu quả chết người có xảy ra hay không, điều đó không phải là nội dung của tình tiết này. Nếu trong trường hợp có hậu quả chết nhiều người xảy ra, ngoài việc áp dụng tình tiết “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người” chúng ta

sẽ áp dụng thêm tình tiết “giết nhiều người” đối với người phạm tội.

Trên đây là một số quan điểm riêng về vấn đề áp dụng các tình tiết “giết nhiều người” và “giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người”. Vấn đề này hiện nay vẫn còn rất phức tạp và đang còn tranh luận trong thực tiễn cũng như lý luận khoa học Luật Hình sự. Do đó, chúng tôi xin mạnh dạn nêu lên một số ý kiến để cùng tham khảo. Rất mong nhận được sự góp ý và trao đổi của bạn đọc.

(Tiếp theo trang 66 – Nhận thức về vai trò ...)

mà hoạt động trợ giúp pháp lý đem lại cho người nghèo không nằm ngoài ý nghĩa này. Chính vì vậy, hoạt động trợ giúp pháp lý không thể tách khỏi nghề luật sư, đây là đặc điểm chung của hoạt động trợ giúp pháp lý trên thế giới. Điều đó có nghĩa, để quản lý nhà nước có hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng của loại dịch vụ pháp luật đặc biệt mà nhà nước mong muốn đem lại cho công dân thì luật sư phải được phát triển cả về số lượng và chất lượng mới đủ sức đáp ứng được nhu cầu và bảo đảm cung cấp những

dịch vụ pháp lý tốt nhất cho người nghèo và đối tượng chính sách.

Sự phát triển mạnh mẽ về số lượng và chất lượng của đội ngũ luật sư nước ta từ năm 1987 đến nay đã đóng góp không nhỏ vào chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo của Đảng và Nhà nước. Thực tiễn hoạt động trợ giúp pháp lý có đủ cơ sở để khẳng định để hoạt động trợ giúp pháp lý đạt hiệu quả, thì chỉ có phát triển đội ngũ luật sư và có cơ chế, chính sách huy động sự tham gia nhiệt tình của lực lượng luật sư mới là giải pháp hữu hiệu nhất.

(Tiếp theo trang 78 – Cải cách tư pháp ...)

định theo pháp luật trong công tác an ninh quốc gia, ở trung ương lập Bộ an ninh quốc gia, các tỉnh (khu tự trị) lập Sở an ninh quốc gia, thành phố trực thuộc trung ương lập Cục an ninh quốc gia, bên dưới các tỉnh căn cứ vào nhu cầu công tác lập cơ quan đại diện của Sở (Cục) an ninh quốc gia.

- Cơ quan hành chính tư pháp: là cơ quan chức năng chủ quản công tác hành chính tư pháp của chính quyền cùng cấp. ở trung ương lập Bộ Tư pháp, các tỉnh (thành phố, khu tự trị) lập Sở (Cục) Tư pháp, các địa khu (thành phố), huyện (quận) lập Cục Tư pháp. Chức trách chủ yếu là: Phụ trách cải tạo tội phạm và quản lý trại giam; công tác thi hành cải tạo lao động; giám sát hoạt động của luật sư, cơ quan công chứng và dịch vụ

pháp luật, nghiệp vụ công chứng; quản lý công tác hoà giải nhân dân; tuyên truyền phổ biến pháp luật...

Qua nghiên cứu tại các quốc gia trên, cho thấy, mặc dù thể chế chính trị khác nhau, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội khác nhau, công cuộc cải cách tư pháp ở mỗi nước có những đặc điểm riêng nhưng các nước đều thừa nhận và áp dụng có chọn lọc những giá trị chung, những nguyên tắc chung về tư pháp và cải cách tư pháp. Có thể nói, những giá trị, nguyên tắc chung này không phải là sản phẩm riêng biệt của quốc gia nào, của hệ thống chính trị nào mà là những giá trị chung của nhân loại được đúc kết qua quá trình cải cách, phát triển của nhiều hệ thống tư pháp trên thế giới.